VĂN BẢN ĐẾN ĐIỆN TỬ
Số: 5331 Ngày 09/11/2021

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2191 /QĐ-BTNMT	*Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng mở rộng Cảng hàng không Điện Biên" tại phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng mở rộng Cảng hàng không Điện Biên" họp ngày 17 tháng 09 năm 2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng mở rộng Cảng hàng không Điện Biên" đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 3226/TCTCHKVN - KTCNMT ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng mở rộng Cảng hàng không Điện Biên" tại phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (sau đây gọi là Dự án) của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (sau đây gọi là Chủ Dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Giao thông vận tải;
- Uỷ ban nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT. Dg.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Võ Tuấn Nhân

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
"Đầu tư xây dựng mở rộng Cảng hàng không Điện Biên"
tại phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

---

1. Thông tin về Dự án

- Tên Dự án: Đầu tư xây dựng mở rộng Cảng hàng không Điện Biên.

- Địa điểm thực hiện: Phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.

- Địa chỉ liên hệ: 58 đường Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

1.1.1. Quy mô diện tích

Tổng diện tích của Cảng hàng không Điện Biên là 201,39 ha (điều chỉnh tăng diện tích của Cảng hàng không Điện Biên hiện hữu từ 32,27 ha lên 201,39 ha).

1.1.2. Quy mô dịch vụ

Nâng công suất phục vụ hành khách tại Cảng hàng không Điện Biên từ 0,3 triệu hành khách/năm lên 0,5 triệu hành khách/năm.

1.1.3. Quy mô các hạng mục công trình của Dự án

- Giữ nguyên một số hạng mục công trình đã được đầu tư xây dựng tại Cảng hàng không Điện Biên hiện hữu, bao gồm: Sân quay ở đầu 16 diện tích 787,5 m^2; 01 nhà điều hành diện tích 315 m^2; 01 nhà Cảng vụ diện tích 280 m^2; 01 nhà trực cứu hỏa diện tích 200 m^2; 01 đường công vụ dành cho người và phương tiện trên sân đỗ tàu bay; 01 trục giao thông trước cửa nhà ga hành khách kích thước L x B = (71 x 36) m, diện tích khoảng 2.630 m^2; 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 30 m^2; hệ thống cấp nước; hệ thống cấp điện dự phòng; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải và hệ thống cây xanh.

- Phá dỡ một số các hạng mục công trình hiện hữu, gồm: Đường cất hạ cánh hướng 16-34 kích thước Lx B = (1.830 x 30) m; 02 đường lăn nối E1, E2 nằm phía Đông đường cất hạ cánh, kích thước Lx B = (54,5 x 15) m; 01 sân đỗ máy bay tại 02 khu vực kích thước Lx B = (95,0 x 55,0) m và (91,0 x 72,0) m; hệ thống tường rào an ninh bao quanh đường cất hạ cánh hiện hữu; 01 nhà xe diện tích 250 m^2.

- Đầu tư xây dựng mới một số hạng mục công trình tại khu bay, bao gồm:

+ 01 đường cất hạ cánh 17 - 35, kích thước Lx B = (2.400 x 45) m để phục vụ việc khai thác máy bay A320/A321;

+ 01 sân đỗ máy bay kích thước L x B = (232 x 122,5) m, chiều rộng lề B = 5,0 m.

+ 01 đường nối từ đường cất hạ cánh vào sân đỗ máy bay kích thước L x B = (146 x 15) m.

+ 01 đường công vụ kết nối nhà ga hành khách diện tích 1.132,25 m^2, bề rộng mặt đường 10 m; 01 đường kết nối từ sân đỗ máy bay về đường cất hạ cánh hiện hữu diện tích 7.790 m^2, bề rộng đường B = 30 m.

+ Hệ thống tường rào an ninh khu bay chiều dài L= 9.445 m; 06 bốt gác an ninh; 04 cổng hàng rào; hệ thống camera an ninh đồng bộ dọc hàng rào.

+ 01 đường công vụ quanh sân bay kích thước L x B = (6.340 x 6) m.

+ 04 mương đá M1, kích thước L x $B_{đáy}$ x $B_{mặt}$ x H = (2982 x 1,0 x 4,0 x 2,2) m.

+ 01 mương đá M2, kích thước L x $B_{đáy}$ x $B_{mặt}$ x H = (3042 x 1,0 x 4,0 x 1,7) m.

+ 01 mương bê tông xi măng lưới thép M3, kích thước L x $B_{đáy}$ x $B_{mặt}$ x H = (573 x 4,0 x 12,0 x 4,2) m.

+ 01 mương đá M4, kích thước L x $B_{đáy}$ x $B_{mặt}$ x H = (148,5 x 0,8 x 3,0 x 1,7) m.

+ 01 cống hộp qua đường lăn nối, kích thước L x B x H = (60 x 1,25 x 1,25) m.

+ 01 rãnh thoát nước bê tông cốt thép, kích thước L x B x H = (70,55 x 0,4 x 0,88) m.

- Nắn dòng suối Pape đoạn chảy qua đường cất hạ cánh và cải tạo mương dân sinh hiện hữu tại khu bay với chiều dài khoảng 600 m.

- Cải tạo, mở rộng và đầu tư xây dựng mới một số hạng mục công trình tại khu hàng không dân dụng, đảm bảo khả năng đáp ứng dịch vụ cho 500.000 hành khách/năm, bao gồm:

+ San nền toàn bộ diện tích mở rộng khoảng 169,12 ha.

+ Cải tạo nhà ga hành khách quy mô 02 tầng hiện hữu trên diện tích sàn khoảng 2.013,4 m^2 và mở rộng thêm khoảng 2.256,6 m^2, tổng diện tích sàn công trình sau cải tạo khoảng 4.270 m^2; cải tạo khoảng 790 m^2 đường phía trước nhà ga; mở rộng sân đỗ ô tô hiện hữu với diện tích sau mở rộng khoảng 3.500 m^2; thiết kế bổ sung hệ thống cấp điện đối với các công trình xây mới, cải tạo.

+ Xây mới 01 nhà để xe 2 bánh diện tích khoảng 199,5 m^2; 01 nhà xe ngoại trường diện tích khoảng 1.707 m^2; 02 trạm gác; 3 cột cụm cột cờ; 01 bể nước phòng cháy chữa cháy dung tích 379 m^3 và hệ thống đường ống cấp nước bổ sung; 01 bể tách dầu dung tích 2 m^3, 01 trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m^3/ngày.đêm và hệ thống đường ống thu gom, thoát nước thải.

1.2. Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng; khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi công.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

2.1.1. Các tác động chính từ hoạt động thi công

- Việc thực hiện Dự án chiếm dụng đất thuộc khu vực khoanh vùng bảo vệ của cứ điểm 311B, 105 và 206 thuộc Cụm di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt Điện Biên Phủ.

- Hoạt động san lấp mặt bằng, thi công xây dựng, cải tạo các hạng mục công trình; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất đá thải, phế thải và hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh tiếng ồn, rung chấn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải thi công xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực, hoạt động thăm quan tại cứ điểm 105 và 206, hoạt động huấn luyện quân sự tại sân bay hiện hữu, hoạt động giao thông đường bộ, hệ thống sông suối khu vực Dự án và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông đường bộ, cháy nổ, ngập úng,…

- Hoạt động cải nắn suối Pape, san lấp kênh mương khu vực Dự án ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân, dòng chảy, môi trường nước, hệ sinh thái thủy sinh, suối Pape và nguy cơ ngập úng, bồi lắng,…

2.1.2. Các tác động chính phát sinh trong giai đoạn vận hành

Hoạt động của tàu bay, phương tiện vận tải hành khách và các hoạt động dịch vụ vận hành cảng phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, sinh chất thải nguy hại và nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn giao thông,...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải phát sinh trong giai đoạn thi công

- Hoạt động sinh hoạt của hành khách và cán bộ công nhân tại cảng hiện hữu phát sinh nước thải sinh hoạt với khối lượng khoảng 5 m^3/ngày.đêm.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân phục vụ thi công phát sinh nước thải sinh hoạt với khối lượng khoảng 2,5 m^3/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Hoạt động vệ sinh thiết bị thi công và phương tiện vận chuyển tại công trường thi công phát sinh nước thải thi công với khối lượng khoảng 34 m^3/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn phát sinh với lưu lượng khoảng 1,0 m^3/s. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành

- Hoạt động sinh hoạt của nhân viên và hành khách tại cảng hàng không phát sinh nước thải sinh hoạt với khối lượng khoảng 18,4 m^3/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, chất rắn lơ lửng (TSS), amoni, các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh, dầu mỡ động thực vật.

- Hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển tại khu vực nhà xe ngoại trường phát sinh nước thải với lưu lượng khoảng 3,2 m^3/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ khoáng, chất rắn lơ lửng,...

- Nước mưa chảy tràn phát sinh với lưu lượng khoảng 1,4 m^3/s. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,…

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

2.3.1. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công

- Hoạt động của các phương tiện vận tải hành khách và phương tiện giao thông ra vào cảng hiện hữu phát sinh bụi, khí thải với thành phần chủ yếu là TSP, SO_2, NO_2, CO, VOCs,...

- Hoạt động san nền phát sinh chủ yếu là bụi; hoạt động cải tạo, thi công xây dựng các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thải, phế thải, bùn đất hữu cơ phát sinh chủ yếu là bụi và khí thải với thành phần chủ yếu là TSP, CO, NO_2, $SO_{2,..}$

- Hoạt động của các thiết bị, máy móc thi công và hoạt động hàn cắt kim loại phát sinh bụi, khí thải, khói hàn với thành phần chủ yếu là TSP, SO_2, NO_2, CO,VOC,...

2.3.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các phương tiện vận tải hành khách và phương tiện giao thông ra vào cảng phát sinh bụi, khí thải với thành phần chủ yếu là TSP, SO_2, NO_2, CO, VOCs,...

- Hoạt động của tàu bay, máy phát điện dự phòng phát sinh chủ yếu là bụi và khí thải với thành phần chủ yếu là: CO, NO_2, SO_2,...

- Hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung phát sinh khí thải với thành phần chủ yếu là H_2S, Mercaptane, CO_2, CH_4,…

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

2.4.1. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn thi công

- Hoạt động sinh hoạt của hành khách và cán bộ công nhân viên tại cảng hiện hữu phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 400 kg/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là vỏ đồ hộp, pallet, giấy báo, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 90 kg/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là các loại rau, củ quả, thức ăn thừa, bao bì, thùng chứa, giấy, chai lọ,…

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình phát sinh chất thải rắn xây dựng với khối lượng khoảng 5.000 m^3. Thành phần chủ yếu là gỗ vụn, xà bần, bao bì, sắt vụn, gạch vỡ, phế liệu, ván khuôn,...

- Hoạt động bóc tách hữu cơ, đất yếu,…phát sinh chất thải rắn thông thường với khối lượng khoảng 610.793,22 m^3. Thành phần chủ yếu là đất đá thải, bùn đất hữu cơ,...

2.4.2. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành

Hoạt động của tàu bay, hành khách và nhân viên tại cảng hàng không phát

sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 710 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là vỏ đồ hộp, pallet, giấy báo, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

2.5.1. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công

- Hoạt động vận hành cảng hàng không hiện hữu phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 2 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, mực in thải, pin thải, ắc quy thải, bóng đèn thải,…

- Hoạt động vận hành, bảo dưỡng thiết bị thi công phát sinh chất thải nguy hại với tổng khối lượng khoảng 2 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là sơn thừa, dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, sơn, mực in, bóng đèn thải, pin thải,…

2.5.2. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành

Hoạt động vận hành cảng hàng không Điện Biên phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 3 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, mực in thải, pin thải, ắc quy thải, bóng đèn thải,...

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác

Hoạt động vận hành trạm xử lý nước thải phát sinh bùn cặn với khối lượng khoảng 3,4 kg/ngày.đêm. Thành phần và tính chất của bùn thải được phân định trong thực tế vận hành theo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.7. Quy mô, tính chất của tác động khác

2.7.1. Quy mô, tính chất của tác động khác trong giai đoạn thi công

- Việc thực hiện Dự án chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 20.100 m^2 đất của cứ điểm 105, khoảng 17.200 m^2 đất của cứ điểm 206 và khoảng 12.934,3 m^2 đất khoanh vùng bảo vệ của cứ điểm 311B thuộc di tích lịch sử Điện Biên Phủ, làm mất lối vào của cứ điểm 105 và cứ điểm 206, thu hẹp không gian của Cụm di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt Điện Biên Phủ.

- Hoạt động cải nắn suối Pape ảnh hưởng tới dòng chảy, môi trường nước, hệ sinh thái thủy sinh suối Pape và nguy cơ bồi lắng khu vực.

- Hoạt động san lấp kênh mương khu vực Dự án gây nguy cơ ngập úng khu vực, ảnh hưởng tới khả năng tiêu thoát nước và hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa phương.

- Hoạt động rà phá bom mìn có khả năng gây nguy hiểm đến tính mạng con người.

- Hoạt động vận hành trạm xử lý nước thải có khả năng gặp sự cố trạm xử lý nước thải ngừng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả.

- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, vận tải đất đá thải có khả năng gây cản trở giao thông, tăng lưu lượng giao thông khu vực, sự cố tai nạn giao thông,…

- Việc tập trung công nhân trên công trường có khả năng gây mất an ninh, trật tự, ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội khu vực.

- Hoạt động vận hành sân bay phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng tới đời sống của nhân dân khu vực Dự án.

2.7.2. Quy mô, tính chất của tác động khác trong giai đoạn vận hành

Hoạt động vận hành sân bay phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng tới đời sống của nhân dân khu vực Dự án.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải trong giai đoạn thi công

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của hành khách và cán bộ công nhân viên tại cảng (khối lượng khoảng 5 m^3/ngày.đêm) được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại tại nhà vệ sinh hiện hữu sau đó thoát ra hệ thống thoát nước mưa hiện trạng ra suối phía Bắc và chảy ra sông Nậm Rốm.

Quy trình: Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại hiện có → hệ thống thoát nước mưa → suối phía Bắc → sông Nậm Rốm.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân (khối lượng khoảng 2,5 m^3/ngày.đêm) được thu gom vào 05 nhà vệ sinh lưu động; hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút toàn bộ chất thải đi xử lý theo quy định khi đầy bể, không xả thải ra môi trường.

Quy trình: Nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh lưu động → đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Xây dựng cầu rửa xe và hệ thống rãnh để thu gom toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa bánh xe tại công trường thi công vào 01 hố lắng cấu tạo gồm 03 ngăn, kích thước D x C x R = (12 x 4 x 3) m, dung tích khoảng 144 m^3. Nước rửa sau khi lắng lọc được bơm tuần hoàn sử dụng cho công tác rửa bánh xe, làm ẩm đất đá thải trước khi vận chuyển, tưới nước dập bụi trên công trường thi công; váng dầu được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải nguy hại khác của Dự án theo quy định; đất, cát, cặn tại bể lắng được thu gom hàng ngày và vận chuyển đến vị trí đổ thải.

+ Quy trình: Nước thải từ hoạt động rửa bánh xe, thiết bị thi công → rãnh thu → hố lắng 03 ngăn → tái sử dụng để rửa bánh xe.

- Xây dựng các tuyến rãnh thoát nước và khoảng 20 hố lắng dung tích khoảng 2 m^3/hố, kích thước L x B x H = (2x1x1) m và 04 hố lắng tạm thời dung tích khoảng 10 m^3/hố, kích thước L x B x H = (2 x 2 x 2,5) m xung quanh 4 góc phần mở rộng của Dự án để thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn. Nước từ các hố lắng xung quanh ranh giới Dự án cùng với tuyến rãnh đào sẽ dẫn về 04 hố lắng dung tích 10 m^3 để lắng cặn đất cát lần cuối trước khi thoát ra suối phía Bắc và suối Pape phía Nam Dự án.

+ Quy trình: Nước mưa chảy tràn → rãnh thoát nước → hố lắng → suối phía Bắc và suối Pape phía Nam → sông Nậm Rốm.

3.1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn vận hành

- Đầu tư xây dựng 01 bể tự hoại 03 ngăn dung tích khoảng 8 m^3 tại khu nhà ga và 01 bể tự hoại 03 ngăn dung tích khoảng 1 m^3 tại khu nhà xe ngoại trường để thu gom, xử lý sơ bộ toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của hành khách và cán bộ công nhân viên tại cảng. Nước thải sinh hoạt sau khi được sử lý sơ bộ theo đường ống thu gom nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m^3/ngày.đêm xây dựng tại vị trí phía Đông nhà ga hành khách để tiếp tục xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B với hệ số K = 1 trước khi thoát ra suối phía Bắc Dự án bằng đường ống và chảy ra sông Nậm Rốm.

Quy trình: Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 03 ngăn → hệ thống thu gom nước thải → trạm xử lý (công suất 20 m^3/ngày.đêm) → nước thải sau xử lý → hệ thống thoát nước thải → suối phía Bắc Dự án → sông Nậm Rốm.

Công nghệ xử lý: Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 03 ngăn → trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m^3/ngày.đêm → hố thu → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí (Aeroten) → bể lắng → bể khử trùng → QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, với hệ số K = 1).

- Toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa xe khu vực nhà xe ngoại trường phát sinh với khối lượng khoảng 3,2 m^3/ngày đêm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công nghiệp công suất 4 m^3/ngày.đêm để xử lý, đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, K_q = 0,9 và K_f =1,2 trước khi thoát ra sông Nậm Rốm.

Quy trình: Nước thải công nghiệp → hệ thống thu gom → hệ thống xử lý nước thải công nghiệp công suất 4 m^3/ngày.đêm → nước thải sau xử lý → hệ thống thoát nước thải → suối hiện trạng phía Bắc → sông Nậm Rốm.

Công nghệ: Nước thải công nghiệp → hệ thống thu gom → bể tách dầu dung tích 02 m^3 kích thước (2 x 1 x 1) m → bể lắng keo tụ (xử lý hóa lý) dung tích 4 m^3 kích thước (2 x 2 x 1) m → nước thải sau xử lý (đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, K_q = 0,9 và K_f =1,2).

- Nước mưa chảy tràn được thu gom vào hệ thống rãnh, mương và hố ga để lắng cặn đất cát sau đó thoát ra suối hiện trạng phía Bắc, suối Pape phía Nam qua 2 cửa xả, sau đó chảy ra sông Nậm Rốm.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải trong giai đoạn thi công

Vệ sinh bánh xe đối với các phương tiện ra vào công trường thi công; lắp đặt hàng rào cao 2,5 m ÷ 3 m xung quanh khu vực công trường thi công; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường và đường tiếp cận.

3.2.2. Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành

Hạn chế tốc độ các phương tiện đi vào khu vực sân bay; tuân thủ diện tích cây xanh; bê tông hóa các tuyến đường giao thông, thường xuyên vệ sinh mặt đường để giảm thiểu lượng bụi phát sinh.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn thi công

- Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của hành khách và cán bộ công nhân viên tại cảng hiện hữu được thu gom vào các thùng rác có nắp đậy tại cảng hiện hữu; hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

- Bố trí hệ thống các thùng rác có nắp đậy tại công trường thi công, đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân tại công trường trường thi công; hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

- Tận dụng lại một phần chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công để bán cho đơn vị thu mua, tái chế (nhựa, nhôm, kính, dây điện, sắt, thép,...); phần không thể tận dụng với khối lượng khoảng 2.875 tấn (khoảng 2-5 % lượng nguyên liệu phục vụ thi công) được thu gom, vận chuyển, đổ thải tại bãi thải của địa phương.

- Toàn bộ khối lượng đất bóc tách hữu cơ, đất yếu được thu gom, vận chuyển, đổ thải tại các vị trí số 10, 11, 12 và số 13 - khu Bom La với tổng dung tích chứa khoảng 2.652.973 m3 theo Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc ban hành Kế hoạch khai thác các vị trí, khu vực đổ thải phục vụ Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Cảng Hàng không Điện Biên và một số dự án trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

3.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành

Thực hiện vệ sinh, thu gom và phân loại chất thải tại nguồn; bố trí các thùng rác có nắp đậy tại khu vực nhà ga hành khách và trên các tuyến đường nội bộ, đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của hành khách và cán bộ công nhân viên; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Thu gom và lưu chứa toàn bộ khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án vào các thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải và tập kết tại kho chất thải nguy hại hiện có của Cảng hàng không Điện Biên, diện tích khoảng 30 m^2 có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Kho lưu chứa chất thải nguy hại bảo đảm tuân thủ đúng quy định tại Thông tư số

36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác

Thực hiện lấy mẫu phân tích chất lượng bùn thải tại bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải, bể tách dầu. Trường hợp bùn thải có thành phần nguy hại, chuyển giao cho đơn vị có chức năng về thu gom, xử lý chất thải nguy hại để xử lý theo quy định; trường hợp bùn thải được xác định là chất thải rắn thông thường, chuyển giao cho đơn vị có chức năng về thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường để xử lý theo quy định.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

3.6.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thi công

Điều phối các hoạt động xây dựng để giảm mức tập trung các máy móc hoạt động gây ồn; tiến hành các hoạt động thi công có tiếng ồn cao vào thời gian cho phép; trang bị cho công nhân nút bịt tai để hạn chế tác động của tiếng ồn cường độ cao; treo biển báo nêu rõ những khu vực có tiếng ồn và độ rung cao để hạn chế người ra vào; máy móc thiết bị được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ để bảo đảm tình trạng làm việc tốt nhất; hạn chế sử dụng các thiết bị có độ ồn cao sau 22h00; các xe chuyên chở vật liệu, hàng hóa chỉ được duy trì dưới vận tốc cho phép đặc biệt khi đi qua khu dân cư để hạn chế tiếng ồn.

3.6.2. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn vận hành

Máy móc thiết bị được kiểm tra, bảo dưỡng theo định kỳ để bảo đảm tình trạng làm việc tốt nhất; trang bị bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân; hạn chế tốc độ các phương tiện đi vào khu vực sân bay; trồng cây xanh xung quanh hàng rào khu vực Dự án và những khu đất trống, đảm bảo tuân thủ diện tích cây xanh tối thiểu theo quy định của pháp luật hiện hành để tạo bóng mát, giảm thiểu tác động của tiếng ồn.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

3.7.1. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

3.7.1.1. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Quản lý chặt chẽ các nguyên vật liệu xây dựng và các tác nhân gây cháy, lưu giữ riêng các vật liệu dễ gây cháy nổ; bố trí lực lượng phòng cháy chữa cháy, đảm bảo phản ứng kịp thời khi có tình huống cháy nổ xảy ra; trang bị đầy đủ các phương tiện thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định; lập phương án và diễn tập phòng chống cháy nổ; xây dựng nội quy về phòng cháy chữa cháy và phổ biến thực hiện. Trường hợp xảy ra sự cố cháy nổ, kịp thời chữa cháy và phối hợp với đơn vị chức năng tại khu vực để ứng cứu.

3.7.1.2. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân, đảm bảo sức khỏe và an toàn trong lao động; tuân thủ và thực hiện nghiêm ngặt các quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng; phổ biến kỹ thuật và nội quy an toàn lao động cho cán bộ, công nhân.

3.7.1.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn giao thông

Thông tin cho chính quyền địa phương và các hộ dân trong khu vực được biết về tiến độ xây dựng dự án; thực hiện phân luồng giao thông hợp lý; tập kết nguyên vật liệu đúng nơi quy định; thi công đến đâu dọn sạch đến đó; bố trí tiến độ vận chuyển hợp lý, không tập trung các phương tiện trên cùng một tuyến đường; không vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công vào các giờ cao điểm.

3.7.1.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố úng ngập

Bố trí hệ thống rãnh thoát nước và hố lắng trên công trường; định kỳ khơi thông, nạo vét bùn đất, chất lắng cặn tại rãnh thoát nước và hố lắng, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước mưa; khắc phục kịp thời các sự cố vỡ và tắt nghẽn đường cống thoát nước.

3.7.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn hoạt động

3.7.2.1. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn giao thông

Bố trí sơ đồ vận tải luồng hành khách và hàng hóa hợp lý; bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật vận hành của các xe vận tải, quy định tốc độ xe tối đa trong khu vực dự án không quá 5 km/giờ; trang bị biển báo chỉ dẫn trên tất cả các tuyến đường, tổ chức phân luồng và bố trí đèn tín hiệu giao thông tại các nút giao.

3.7.2.2. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố úng ngập

Thường xuyên nạo vét, khơi thông rãnh thu thoát nước tránh tình trạng ứ đọng, giảm khả năng tiêu thoát nước.

3.7.2.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố trạm xử lý nước thải ngừng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả

- Xây dựng, hoàn thiện các công trình theo đúng quy mô thiết kế; bể điều hòa được thiết kế có thời gian lưu nước trên 10 giờ, giúp ổn định nước thải trước khi chuyển sang các bể xử lý tiếp theo và phòng ngừa khi có sự cố xảy ra; thiết kế hệ thống van chặn tại các bể chứa thành phần để tăng thể tích lưu chứa đảm bảo thời gian lưu chứa tối đa trong trường hợp xảy ra sự cố.

- Thường xuyên theo dõi vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải; thiết kế, lắp đặt các thiết bị dự phòng để đảm bảo hệ thống luôn hoạt động khi có sự cố; thiết lập chương trình quan trắc thích hợp cho trạm xử lý nước thải; giám sát vận hành hàng ngày và thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.

- Trường hợp xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải, tạm dừng hoạt động của trạm xử lý nước thải để kiểm tra; khóa chặn các van tại các bể chứa thành phần để tăng thể tích lưu chứa nước thải. Sau khi khắc phục xong, mở các van tại các bể chứa thành phần để nước thải được tiếp tục xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B trước khi thoát ra môi trường.

3.7.2.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải

Xây dựng và thực hiện quy chế ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Quyết định số 09/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

3.8. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

3.8.1. Biện pháp giảm thiểu tác động đến các di tích lịch sử khu vực Dự án

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên và các cơ quan chức năng có thẩm quyền xác định phạm vi ranh giới Dự án, đảm bảo không xâm phạm diện tích ngoài hành lang thi công.

- Có biện pháp tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo hạn chế tối đa tác động đến các công trình di tích của các cứ điểm 311B, 105, 206 thuộc Cụm di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt Điện Biên Phủ và các di tích lịch sử khác trong khu vực Dự án; trong quá trình thi công, nếu phát hiện các di tích, di vật sẽ ngừng ngay mọi hoạt động thi công, khoanh vùng bảo vệ và báo cáo cơ quan chức năng có thẩm quyền kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tuyên truyền, giáo dục lực lượng công nhân lao động về ý thức bảo vệ di tích, ngăn ngừa mọi hành vi xâm phạm đến di tích tại các cứ điểm 311B, 105, 206 thuộc Cụm di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt Điện Biên Phủ và các di tích lịch sử khác trong khu vực Dự án; tăng cường nguồn nhân lực đảm bảo an ninh trật tự, cũng như giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường, đảm bảo không xảy ra sự cố.

3.8.2. Biện pháp đảm bảo dòng chảy và giảm thiểu tác động đến chất lượng nước suối Pape và các suối khu vực Dự án

Thu gom, lắng lọc toàn bộ nước mưa chảy tràn khu vực thi công và bề mặt công trường trước khi thải ra môi trường; thu gom, xử lý và tái sử dụng toàn bộ nước thải từ hoạt động khoan cọc nhồi, không thải ra môi trường; quản lý chặt chẽ lực lượng thi công, bảo đảm không xả thải bất kỳ loại nước thải, chất thải nào xuống suối; cải nắn dòng Suối Pape vào mương M3 dài 600 m xây mới của Khu bay, bố trí 02 cống ngầm đấu nối với suối Pape hiện trạng; thanh thải lòng suối Pape, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường ngay sau khi kết thúc thi công.

3.8.3. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tới hệ thống giao thông

Tổ chức phân luồng giao thông hợp lý tại khu vực đón trả khách; các phương tiện chở đúng trọng tải quy định và tuân thủ đúng tốc độ quy định; sửa chữa và bồi thường những hư hỏng đường do hoạt động vận tải phục vụ Dự án gây ra.

3.8.4. Biện pháp giảm thiểu tác động tới kinh tế - xã hội

Quản lý cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng dự án; ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương; tuyên truyền nâng cao ý thức cán bộ công nhân viên tham gia thi công xây dựng và vận hành Dự án.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải công suất 20 m^3/ngày.đêm.

- 02 bể tự hoại dung tích 8 m^3 và 1 m^3.

- Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp công suất 4 m^3/ngày.đêm.

- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 30 m^2.

- Hệ thống thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án

5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.1.2. Giám sát chất lượng nước mặt

- Vị trí: 01 mẫu nước mặt tại cửa xả vào con suối tiếp giáp phía Bắc và 01 mẫu tại cửa xả vào suối Pape phía Nam.

- Thông số quan trắc: pH, DO, BOD_5, TSS, COD, Amoni, Phenol, Sunfua, Nitrat, Phosphat, Asen, Cadimi, Chì, Thủy ngân, Crom VI, Dầu mỡ, chất hoạt động bề mặt, tổng Coliform.

- Tần suất: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B1.

5.1.3. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí quan trắc: 04 vị trí tại (01 vị trí tiếp giáp khu dân cư phía Tây Dự án, 01 vị trí tiếp giáp khu dân cư phía Bắc Dự án, 01 vị trí tại cổng cảng hàng không Điện Biên tiếp giáp với quốc lộ 12 và 01 vị trí tiếp giáp doanh trại quân đội phía Nam Dự án).

- Thông số quan trắc: Tiếng ồn, độ rung, bụi.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.1.4. Giám sát vận chuyển, đổ đất, đá, vật liệu thải

- Vị trí: Tại tất cả những vị trí có phát sinh đất, đá, phế thải; giám sát việc vận chuyển đổ thải.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

- Thông số giám sát: Khối lượng; tuyến đường vận chuyển; biện pháp đảm bảo môi trường trong quá trình vận chuyển đất đá thải.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

5.2. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

5.2.1. Giám sát nước thải sinh hoạt

- Công trình vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m^3/ngày.đêm.

- Vị trí lấy mẫu, số lượng mẫu và tần suất lấy mẫu: Theo quy định của Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột B với hệ số K = 1.

5.2.1. Giám sát nước thải công nghiệp

- Công trình vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp công suất 4 m^3/ngày.đêm.

- Vị trí lấy mẫu, số lượng mẫu và tần suất lấy mẫu: Theo quy định của Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột B, K_q = 0,9, K_f = 1,2.

5.3. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn vận hành

5.3.1. Chương trình giám sát chất lượng nước thải sinh hoạt

- Vị trí lấy mẫu: Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m^3/ngày.đêm.

- Thông số quan trắc: pH, BOD_5, TSS, TDS, Sunfua, Nitrat, Amoni, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, tổng Coliform.

- Tần suất: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt, cột B, với hệ số K = 1.

5.3.2. Chương trình giám sát chất lượng nước thải công nghiệp

- Vị trí quan trắc: Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công nghiệp công suất 4 m^3/ngày.đêm.

- Thông số quan trắc: pH, BOD_5, COD, Chất rắn lơ lửng, Amoni, tổng dầu mỡ khoáng, tổng Nitơ, tổng Phốt pho.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột B, K_q = 0,9, K_f = 1,2.

5.3.3. Quản lý, giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.3.4. Giám sát bùn thải từ công trình xử lý nước thải

- Vị trí giám sát: 02 vị trí (BT1- Bùn thải sau xử lý tại công trình xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m^3/ngày.đêm và BT2 - Bùn thải tại bể tách dầu).

- Thông số giám sát: As, Ba, Ag, Cd, Pb, Co, Zn, Ni, Se, Hg, Cr (VI), Tổng Xyanua, Tổng dầu, Phenol , Benzen.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

- Tần suất giám sát: Trước khi vận chuyển đi xử lý.

5.3.5. Giám sát tiếng ồn

- Vị trí giám sát: 04 vị trí (tại 04 khu dân cư tiếp giáp 4 phía cảng).

- Thông số giám sát: Độ ồn.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện có liên quan đến môi trường sau:

6.1. Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên môi trường và các quy hoạch đã được phê duyệt có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

6.2. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; thiết kế và vị trí xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và đảm bảo tuân thủ quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; xây dựng các công trình có phát sinh mùi hôi của Dự án tại những vị trí phù hợp, cuối hướng gió, bảo đảm mỹ quan và khoảng cách ly an toàn theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.3. Xây dựng phương án giao thông đảm bảo khả năng tiếp cận đường vào cứ điểm 105 và 206, đảm bảo hoạt động vận hành sân bay không ảnh hưởng tới di tích gốc và hoạt động tham quan tại các cứ điểm thuộc Cụm di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt Điện Biên Phủ, trình Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch phê duyệt và chỉ được phép thi công các hạng mục công trình của Dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thiết kế các hạng mục công trình của Dự án.

6.4. Hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án; tuân thủ nội dung tại Quyết định số 2523/QĐ-BQP ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ Quốc phòng về việc giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác rà phá bom mìn, vật nổ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng Cảng hàng không Điện Biên.

6.5. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, các công trình di tích, chất lượng nước, hệ sinh thái thủy sinh suối phía Bắc, suối Pape, sông Nậm Rốm, hoạt động huấn luyện, phục vụ chiến đấu của quân đội và các hoạt động kinh tế - xã hội khu vực Dự án trong quá trình thi công, vận hành cảng hàng không Điện Biên; phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền trong việc cải tạo kênh, mương, cải nắn suối Pape, bảo đảm không gây gián đoạn nguồn nước cấp phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp cho người dân khu vực Dự án; theo dõi, kiểm tra liên tục nhằm phát hiện kịp thời các hiện tượng xói mòn, sạt lở tại khu vực cải nắn suối Pape trong quá trình thi công xây dựng và có biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu tác động kịp thời. Trong quá trình thi công dự án, nếu phát hiện các di tích, di vật phải ngừng ngay mọi hoạt động thi công, khoanh vùng bảo vệ và báo cáo cơ quan chức năng có thẩm quyền kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật.

6.6. Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình để giảm thiểu ô nhiễm bụi, nước mưa chảy tràn, bồi lắng, úng ngập do việc thực hiện Dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh Dự án; giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án được thu gom, xử lý; xây dựng hệ thống thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, đảm bảo nước mưa chảy tràn khu vực Dự án được thu gom, lắng lọc trước khi thải ra môi trường, không gây ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực Dự án; xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải rửa bánh xe, thiết bị thi công xây dựng và nước thải khác trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, đảm

bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi tái sử dụng vào mục đích tuần hoàn rửa bánh xe, tưới nước dập bụi trên công trường thi công; đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

6.7. Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Dự án tách biệt hoàn toàn với hệ thống thu gom, thoát nước thải; thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của Dự án trong giai đoạn vận hành về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 20 m^3/ngày.đêm để xử lý, đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B với hệ số K = 1 trước khi thoát ra hệ thống thoát nước thải của Dự án và chảy ra suối hiện trạng phía Bắc; thu gom toàn bộ nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động của Dự án về hệ thống xử lý nước thải công nghiệp công suất 4 m^3/ngày.đêm để xử lý, đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, K_q = 0,9 và K_f =1,2 trước khi thoát ra suối phía Bắc và chảy ra sông Nậm Rốm; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

6.8. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án, bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

6.9. Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt QCVN 05:2013/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; các quy chuẩn: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

6.10. Giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo mọi chất thải, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan

trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

6.11. Chỉ được phép đổ các loại đất bóc tách hữu cơ, đất yếu từ hoạt động thi công Dự án vào các vị trí được Uỷ ban nhân dân tỉnh Điện Biên chấp thuận tại Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2021 về việc ban hành Kế hoạch khai thác các vị trí, khu vực đổ thải phục vụ Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Cảng Hàng không Điện Biên và một số dự án trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đổ thải các loại chất thải xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án trước khi thi công; chỉ được phép đổ thải các loại chất thải xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào đúng các vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải.

6.12. Xây dựng phương án cảnh giới và điều tiết lưu thông trước khi triển khai thi công; phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công; lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới báo hiệu công trường khu vực thi công; bố trí đầy đủ lực lượng, phương tiện tham gia công tác cảnh giới và điều tiết lưu thông theo quy định để quản lý, theo dõi các báo hiệu công trường khu vực thi công, kịp thời xử lý các vấn đề liên quan tới báo hiệu đang quản lý và bảo đảm an toàn giao thông trong thời gian thi công.

6.13. Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng và thanh thải lòng suối Pape, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

6.14. Quản lý chặt chẽ, tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ di tích lịch sử khu vực Dự án cho cán bộ công nhân viên và lực lượng thi công; bảo đảm giữ gìn cảnh quan, môi trường và ngăn ngừa mọi hành vi xâm hại di tích lịch sử khu vực Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Dự án.

6.15. Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ nguồn nước, khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố, an toàn lao động; xây dựng và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố tai nạn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; chủ động phòng ngừa, ứng phó với mưa bão và các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

6.16. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng.

6.17. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường của Dự án và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất trong báo cáo đánh

giá tác động môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra./.